

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH THUẬN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

KỸ THUẬT NUÔI BÒ

(Lưu hành nội bộ)

Ninh Thuận, năm 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm có bộ tài liệu phục vụ cho đào tạo, tập huấn cho nông dân và cơ sở để biên soạn giáo án cho các lớp dạy nghề lao động nông thôn về một số đối tượng thuộc lĩnh vực chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông biên soạn bộ tài liệu về kỹ thuật chăn nuôi Bò – Dê – Cừu để đáp ứng nhu cầu trên. Trong tập tài liệu này chúng tôi giới thiệu về đối tượng con bò.

Bộ tài liệu gồm 6 phần gồm: Giới thiệu giống và đặc điểm sinh học, cách chọn giống và một số lưu ý trong công tác phối giống, thức ăn và chế biến thức ăn, kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng, chuồng trại và vệ sinh thú y và phòng trị bệnh. Trong phần thức ăn chúng tôi có đề cập đến kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cỏ và chế biến thức ăn cho gia súc khá kỹ nhằm giải quyết vấn đề thiếu thức ăn trong mùa khô.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, sở Giáo dục và đào tạo, sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề chưa hợp lý, Trung tâm Khuyến nông sẽ xem xét, sửa đổi, bổ sung để tài liệu này ngày càng hoàn thiện.

PHẦN I: GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG BÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA BÒ

I. Giới thiệu một số giống bò

1. Giống bò Red Sindhi

Màu đặc trưng của chúng là màu đỏ cánh gián nhưng cũng có thể có một số cá thể có những mảng đen ở dọc lưng, hai bên cổ hoặc có thể có một vài đốm trắng nhỏ cũng có thể được chấp nhận. Trọng lượng trưởng thành: Bò đực 370-420 kg, bò cái 320-350 kg. Trọng lượng sơ sinh 20-21 kg, tỷ lệ thịt xẻ 50%.



2. Giống bò Sahiwal

Màu lông vàng sẫm hoặc màu vàng đỏ hơi tối. Trọng lượng trưởng thành: Bò đực 450-500kg, bò cái 250 kg. Trọng lượng sơ sinh 21-22kg, tỷ lệ thịt xẻ 51%.



3. Giống bò Brahman

Có màu lông trắng xám hoặc trắng ghi. Bò có ngoại hình thể chất chắc chắn, khỏe mạnh, hệ cơ

phát triển, u vai phát triển, tai to và cúp xuống.

Khối lượng trưởng thành: Bò cái 380kg, bò đực 600-650kg, năng suất sữa thấp: 600-700kg/chu kỳ. Khối lượng bê sơ sinh 23-24kg. Tỷ lệ xẻ 52,5%.

4. Giống bò vàng Việt Nam

Màu sắc lông đa dạng nhưng chủ yếu màu lông vàng. Trọng lượng nhỏ: bò đực 180-220 kg, bò cái 160-180 kg. Tỷ lệ thịt xẻ thấp: 40-45%.



5. Giống bò lai Sind

Là con lai giữa bò đực Sind với bò cái vàng Việt Nam, có đặc điểm gần giống bò Sind: Đầu dài, trán dô, tai cúp, yếm phát triển, có u vai, bầu vú phát triển vừa phải, lông màu vàng đậm hoặc vàng cánh gián. Trọng lượng trưởng thành: Bò đực 350-400 kg, bò cái 270-300 kg. Tỷ lệ thịt xẻ 45-48%.



II. Một số đặc điểm sinh học của bò

- Bò là đại gia súc nhai lại.
- Thức ăn của bò chủ yếu là thức ăn thô xanh.
- Về sinh sản:

+ Đối với bò đực: Tuổi bắt đầu phối giống từ 24-26 tháng tuổi. Tuổi phối giống tốt nhất từ 2-6 năm.

+ Đối với bò cái: Tuổi bắt đầu phối giống từ 18-24 tháng tuổi. Có thể phối giống bằng thụ tinh nhân tạo hay cho con đực nhảy trực tiếp. Định mức một đực giống / 30-40 bò cái. Chu kỳ động dục là 21 ngày. Thời gian mang thai trung bình là 281 - 285 ngày (9 tháng 10 ngày). Thời gian động dục lại sau khi sinh là 60 - 70 ngày.

*** Xem răng định tuổi bò:**

- 2 năm tuổi thay 2 răng cửa giữa
- 3 năm tuổi thay 2 răng cửa kế bên
- 4 năm tuổi thay 2 răng cửa áp góc
- 5 năm tuổi thay 2 răng cửa góc



Bò thay 2 răng cửa giữa

PHẦN II: CÁCH CHỌN BÒ GIỐNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý TRONG CÔNG TÁC PHỐI GIỐNG

I. Cách chọn bò giống

1. Chọn bò cái giống

- Chọn qua đời trước (chọn giống qua bố mẹ, ông bà tốt).

- Chọn qua bản thân:

Có dáng thanh nhẹ, da mỏng, lông thưa, thuần tính, hiền lành, các phần đầu, cổ, thân và vai kết hợp hài hòa.

Đầu thanh nhẹ, mõm rộng, mũi to, hàm răng đều đặn, trắng bóng, cổ dài vừa phải và thanh, da cổ có nhiều nếp nhăn.

Ngực sâu và rộng; xương sườn mở rộng, cong về phía sau, bụng to nhưng không sệ, bốn chân thẳng và mảnh, móng khít, móng nở, ít dốc.

Bầu vú phát triển về phía sau, 4 núm vú đều, dài vừa phải, không có vú kẹ, da vú mỏng, đàn hồi, tĩnh mạch vũ nổi rõ, phân nhánh ngoằn ngoèo.

- Chọn lọc qua đánh giá con cái của chúng.

2. Chọn bò đực giống

- Chọn qua đời trước (dòng, giống qua bố mẹ, ông bà).

- Chọn qua bản thân:

Kết cấu ngoại hình rắn chắc, lưng thẳng, thân hình vạm vỡ, mình tròn, phía hông và vai phát triển như nhau giống hình trụ. Khoảng cách giữa các u xương đùi và u xương

ngồi rộng, tinh hoàn to đều, không xệ.

- Chọn lọc qua đánh giá thể hệ con cái của chúng.

II. Một số chú ý trong công tác phối giống

Những biểu hiện chủ yếu khi bò động dục

Thời gian động dục của bò cái 24-36 giờ, có thể chia làm 3 giai đoạn:

1. Giai đoạn trước chịu đực (6-10 giờ)

- Con vật bồn khoăn, ngơ ngác, kêu rống, chạm sừng nhau, không cho bò khác nhảy lên.

- Âm hộ sưng, hơi mở, có màu hồng.

2. Giai đoạn chịu đực (12-18 giờ)

- Bò chịu đực đứng yên để con khác nhảy lên

- Con vật hưng phấn cao độ thích nhảy lên con khác.

Sau đứng yên để con khác nhảy lên.

- Âm hộ hơi mở, có màu hồng.

- Niêm dịch keo dính chảy ra thành sợi từ mép âm môn, dính bẩn ở đuôi và mông đít.

- Ăn uống ít hoặc không chịu ăn.

- Bò chịu đực đứng yên để con khác nhảy lên.

3. Giai đoạn sau chịu đực (6-10 giờ)

- Không cho con khác nhảy lên.

- Ăn uống trở lại bình thường.

* Chủ bò cái đưa bò đi phối giống khi nào?

- Bò cái động dục đứng yên cho bò khác nhảy lên (Bò chịu đực)

- Âm hộ hơi mở, niêm mạc chuyển từ màu đỏ hồng sang nhạt.

- Niêm dịch keo dính.

* Phôi giống cho bò theo quy luật “sáng, chiều”. Nếu thụ tinh nhân tạo cần báo cho dẫn tinh viên đến phôi giống cho bò cái kịp thời.

Thời gian bò động dục	Thời gian phôi giống
Sáng	Chiều
Chiều	Sáng hôm sau

PHẦN III: THỨC ĂN, TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHO BÒ

I. Các loại thức ăn

Bò là loài động vật nhai lại, thức ăn phổ biến có thể kể như: cỏ tươi, cỏ khô, rơm, cám hỗn hợp, bã hèm bia, xác mì, các loại củ quả...

Nhu cầu thức ăn thô xanh khoảng 20% trọng lượng cơ thể, thức ăn tinh 0,01%, cung cấp đủ nước sạch cho bò uống.

II. Quy trình trồng cỏ VA06

1. Chọn hom giống

Chọn cây thành thực đạt 3 đến 4 tháng tuổi trở lên có đường kính thân trên 0,8 cm, khoẻ, không bị sâu bệnh, bóc hết lá bẹ ở mầm nách rồi dùng dao



sắc cắt thành từng đoạn (không bẻ hom để tránh làm dập hom ảnh hưởng đến mầm non hoặc dễ gây sâu bệnh sau này). Hom giống chú ý nên cắt nghiêng; lượng giống cần chuẩn bị 7 tấn/ha.

2. Chuẩn bị đất và cách trồng



Trước khi trồng cần cày bừa khu ruộng và làm đất tơi xốp và dọn sạch cỏ dại. Cuốc làm rãnh sâu 15 đến 20cm, hàng cách hàng từ 50 đến 60 cm

Dem hom giống đã chuẩn bị sẵn đặt vào rãnh nghiêng 45 độ hoặc đặt nằm ngang dưới rãnh (cách đặt hom tùy theo mùa khô hay mùa mưa như đã nêu ở trên). Đặt hom xong lấp đất kỹ. Cần tưới để giữ độ ẩm thường xuyên.



3. Bón phân và chăm sóc

Định mức phân bón cho 1 ha: 15-20 tấn phân chuồng, 400 kg urê, 300 kg lân, 200 kali.

Bón lót phân chuồng và phân lân trước khi trồng, phân urê và kali chia đều bón thúc sau mỗi lứa cắt (Trộn phân urê và kali

bón mỗi lần bón 100 kg cho 6 lần cắt). Sau khi trồng 25 đến 30 ngày cỏ đã lên mầm, bén rễ và sau mỗi lứa cắt 7 đến 10 ngày nên dùng nước phân chuồng loãng để tưới giúp cây phát triển nhanh, chú ý tưới nước giữ ẩm.

Làm sạch cỏ dại 2 -3 lần trước khi cỏ trồng phủ kín đất, vun gốc để tránh đổ vì đây là thời kỳ cỏ phát triển nhanh nhất.

Sau mỗi lần thu hoạch làm sạch cỏ dại, vun gốc và bón thêm phân chuồng, phân urê thúc cho cỏ để tăng năng suất.

4. Thu hoạch

Sau trồng 50-60 ngày là có thể cắt được lứa đầu, cứ 20 – 40 ngày cắt 1 lần, khi cây cao khoảng 0,8 – 1m thì cắt được, thu 6 – 7 lứa/năm.

III. Quy trình trồng cỏ Ghi-nê (cỏ sả)

1. Chuẩn bị giống

Gieo bằng hạt mỗi ha cần lượng hạt 5 – 6 kg.

Gieo bằng khóm theo bụi mỗi ha cần 5 – tấn khóm.

Cách chuẩn bị khóm giống như sau : cắt bỏ phần ngọn các khóm cỏ giống trên ruộng và để lại chiều cao khóm khoảng 25 - 30 cm. Dùng cuốc đánh gốc cỏ lên, rũ sạch đất, cắt phạt bớt phần rễ già. Sau đó tách thành những khóm nhỏ, mỗi khóm 3 - 4 nhánh.



2. Chuẩn bị đất và cách trồng

Cỏ Ghi-nê phù hợp với chân ruộng cao, loại đất cát pha, không bị ngập nước hoặc ẩm nhiều. Cần cày vỡ đất ở độ sâu 20

cm, làm sạch cỏ dại và san phẳng đất. Trong trường hợp trồng bằng hạt thì đất phải làm tơi nhỏ hơn.

Rạch hàng cách nhau 50 - 60 cm, sâu 15 cm, trong trường hợp gieo bằng hạt thì sâu 10 cm.

Sau khi rạch hàng và bón lót phân, tiến hành trồng bằng cách đặt các khóm vào rãnh, ngả cùng một phía và vuông góc với thành rãnh, cách nhau 35 - 40 cm, lấp đất sâu khoảng 10 - 15 cm (1/2 độ dài của thân cây giống) và lưu ý dậm chặt đất, tạo điều kiện có độ ẩm, cây chóng nảy mầm và có tỷ lệ sống cao.

Nếu trồng bằng hạt thì gieo rải đều theo hàng rạch và dùng đất nhỏ mịn lấp dày 2-3cm

Trong trường hợp trồng xen với cây ăn quả, trồng ven đường hoặc xung quanh bờ ao thì đào hốc sâu 15 cm, với khoảng cách hàng 50 - 60 cm và hố nọ cách hố kia 15 - 20 cm.

3. Bón phân và chăm sóc

Định mức phân bón cho 1ha:

10-15 tấn phân chuồng hoai mục - bón lót toàn bộ theo hàng rạch

250 kg super lân - bón lót toàn bộ theo hàng rạch

150 kg kali - bón lót toàn bộ theo hàng rạch

300kg urê - chia đều để bón thúc sau mỗi lần thu hoạch (mỗi lần 50kg tương đương 6 lần thu hoạch)

Sau khi trồng 15 - 20 ngày kiểm tra khả năng ra mầm chồi và nếu cần thiết thì trồng dặm lại. Đồng thời lúc này xới xáo qua, làm cỏ dại và bón thúc bằng đạm urê. Nếu gieo bằng hạt thì chỉ tiến hành chăm sóc và trồng tỉa bổ sung khi cây mọc và có thể phân biệt rõ để tránh nhầm lẫn với cỏ dại. Sau mỗi lần cắt và khi thăm cỏ nảy mầm xanh lại làm sạch cỏ dại rồi dùng phân đạm bón thúc.

4. Thu hoạch

Sau khi trồng được 60 ngày thì thu hoạch lúa đầu, cắt phần trên, cách mặt đất 10 cm. Các lúa thu hoạch sau cách nhau 40 - 45 ngày. Mỗi năm cắt dọn gốc già một lần. Trong trường hợp trồng cỏ Ghinê để chăn thả thì hai lứa đầu tiên vẫn cắt bình thường, bắt đầu từ lứa thứ ba mới đưa gia súc nhai lại vào chăn thả. Tốt nhất là chăn thả khi thảm cỏ có độ cao 35 - 40 cm. Muốn vậy phải bảo đảm chu kỳ chăn thả luân phiên (thời gian nghỉ để cỏ tái sinh) khoảng 25 - 35 ngày vào mùa mưa và 40 - 45 ngày vào mùa khô. Thời gian chăn thả liên tục trên một thửa cỏ không quá 4 ngày.

IV. Chế biến dự trữ thức ăn

1. Ủ thức ăn xanh

* Công thức ủ xanh:

Cỏ, thân bắp: 100kg

Cám gạo: 5kg

Muối ăn: 0,5kg.

Nếu thức ăn có hàm lượng đường ít ta có thể bổ sung thêm từ 2 - 4% rỉ mật đường.

* Các bước tiến hành:

Cỏ sau khi thu cắt về phơi trong bóng mát cho hàm lượng nước trong cỏ giảm bớt còn 70 - 80%, băm cỏ thành đoạn dài từ 10 - 15cm, sau đó tiến hành ủ.

Ủ bằng hố ủ: Dưới đáy hố ủ rải một lớp rơm dày khoảng 10 - 15cm, lót một lớp lá chuối và cuối cùng là túi Nilon tránh

cho đất, cát lẫn vào thức ăn và để cho quá trình lên men yếm khí được tốt hơn.

Sau khi đã chuẩn bị xong hồ ủ ta bắt đầu cho thức ăn ủ chua vào trong hồ ủ thành từng lớp dày 10 – 15cm, cho thức ăn đến đâu dậm nén chặt đến đó và rắc đều lên trên mỗi lớp một lượt cám và muối ăn. Cứ làm như vậy cho đến khi thức ăn đầy hồ ủ. Rắc một lớp cám và muối trên cùng tạo cho quá trình lên men được tốt nhất. Sau đó buộc chặt túi Nilon lại, rải một lớp rơm từ 10 – 15cm trên bề mặt, lấp đất kín hồ ủ và che đậy tránh không cho nước mưa vào trong hồ ủ.

Ủ bằng túi nilon: Sau khi thức ăn đã được chuẩn bị xong cho thức ăn vào trong túi ủ, vừa cho vừa nén cho thật chặt giống như cho thức ăn vào hồ ủ, tránh làm rách túi nilon. Nếu túi bị rách quá trình lên men sẽ bị trở ngại quá trình ủ chua sẽ không thành công. Sau khi thức ăn ủ chua đầy túi ủ ta cũng rắc một lớp cám mỏng và muối trên cùng, buộc chặt miệng túi lại và cất thức ăn ủ chua vào trong chỗ râm mát. Thời gian ủ từ 7-10 ngày có thể sử dụng cho dê ăn.

2. Làm cỏ khô

Chọn thời điểm cắt khi cỏ có độ non vừa phải khi cắt cho gia súc ăn tươi. Phơi dưới ánh nắng mặt trời là cách đơn giản và rẻ tiền nhất. Tuy nhiên phụ thuộc vào thời tiết. Nếu phơi nắng thì nắng và gió càng mạnh, phơi càng nhanh, càng giảm sự hao hụt chất dinh dưỡng trong cỏ. Nếu phơi với quy mô nhỏ, số lượng ít thì có thể dung sàn phơi hoặc tấm bạt ni long để dễ chạy mưa. Canh trở tốt thì sau 2-3 nắng ta có thể gom cỏ về dự trữ.

PHẦN IV: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG BÒ

I. Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò cái hậu bị (6-18 tháng tuổi)

Bê nuôi đến tháng thứ 6 là hết giai đoạn nuôi bằng sữa mẹ và chuyển sang giai đoạn nuôi hậu bị, thường gọi là bê tơ lơ, kéo dài từ sau cai sữa đến phối giống có chửa lúc 15-18 tháng tuổi. Đây là giai đoạn có sự hẫng hụt nguồn dinh dưỡng từ sữa mẹ, nhất là trong 3 tháng đầu tiên sau cai sữa. Do đó bê cần được chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, ăn uống đầy đủ để duy trì sự phát triển bình thường của cơ thể. Nếu nuôi dưỡng chăm sóc kém, bê dễ còi cọc, bộ máy sinh dục chậm phát triển và bê động dục muộn. Mặt khác, trong giai đoạn này bê phát triển tuyến vú. Vì vậy, nếu bò không ăn đủ nhu cầu dinh dưỡng thì tuyến vú sẽ không phát triển và như vậy sau này bò có khả năng tạo sữa kém, con phát triển chậm.

Cần chú ý đến vấn đề dinh dưỡng cho bê để bê thành thực về tính sớm, rút ngắn thời gian nuôi hậu bị. Tuy nhiên cần lưu ý là nếu bò có biểu hiện động dục nhưng thể trạng không tốt (quá nhỏ, gầy) thì không nên phối giống, vì nếu phối thì tỷ lệ đậu thai cũng rất kém và nếu đậu thai thì khả năng sảy thai cũng rất cao và bò sẽ quá yếu để có thể sinh con. Đối với bê lai 50% máu bò Sind thì khối lượng lí tưởng của bê lúc 15 tháng tuổi là 170-180kg;

Đảm bảo thức ăn chất lượng tốt, hàng ngày cung cấp đủ thức ăn thô, xanh non ngon cho bê. Lúc này dạ dày đã phát triển hoàn chỉnh nên có thể cho bê ăn thức ăn xanh thô thoải mái để bê luôn luôn được ăn no. Tính ra 1 bê tơ lơ một ngày có thể ăn hết 15 - 20 kg cỏ tươi ở lứa tuổi 7 – 12 tháng, 20 -25 kg ở lứa tuổi

13-18 tháng và 30- 35 kg ở lứa tuổi 19 - 24 tháng. Có thể thay cỏ tươi bằng cho ăn thêm thức ăn hỗn hợp có hàm lượng protein thô khoảng 14%. Vào mùa hè nắng nóng nên tắm cho bê 1-2 lần/ngày để giảm stress nhiệt.

II. Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò chữa

1. Kỹ thuật nuôi bò có chữa trong 3 tháng đầu

Giai đoạn này bò thay đổi nhiều về tập tính: ăn khỏe, uống nhiều nước, hiền lành, ít chạy nhảy. Thai nhi đang trong thời kỳ hình thành các bộ phận của thai, ít khối lượng. Sự gắn kết của thai với cơ thể mẹ chưa vững chắc, còn lỏng lẻo, dễ gây sảy thai.

Thức ăn trong giai đoạn này cần đủ về số lượng và chất lượng, đặc biệt là hàm lượng protein và khoáng cho nhu cầu hình thành các bộ phận của cơ thể thai nhi.

Không được xua đuổi bò quá mạnh, không chăn thả ở những nơi quá dốc, có hố rãnh sâu, tránh tiêm các loại thuốc kháng sinh mạnh, cấm tuyệt đối tẩy giun sán trong giai đoạn này. Tháng thứ 3 kiểm tra thai bằng phương pháp khám qua trực tràng. Không khám thai qua trực tràng trong tháng thứ nhất và tháng thứ 2 để gây động thai.

Nếu phát hiện bò có biểu hiện động thai phải chăm sóc chu đáo và báo cho bác sĩ thú y biết để can thiệp kịp thời.

2. Kỹ thuật nuôi bò có chữa trong 2 tháng cuối

Hai tháng cuối thai phát triển nhanh về khối lượng; bò mẹ nặng nề, đi lại khó khăn. Cuối giai đoạn này, nếu là bò chữa lứa đầu phải thường xuyên tập xoa bầu vú, làm quen với bò tạo điều kiện thuận lợi cho bê bú và thao tác vắt sữa sau này.

Cho bò ăn đủ khẩu phần, phải tính đến khẩu phần nuôi thai. Trước khi bò đẻ 10 ngày (theo lịch phối giống kết hợp với quan

sát) giảm thức ăn tinh để tránh xuống sữa sớm gây căng bầu vú, sốt sữa; chú ý hàm lượng khoáng trong khẩu phần. Khi thiếu khoáng bò phải huy động khoáng trong xương của cơ thể mẹ để hoàn chỉnh bộ xương của thai nhi, do vậy bò mẹ sẽ bị loãng xương, xốp xương, rất dễ gây nên bệnh bại liệt sau khi đẻ. Các chú ý trong giai đoạn này:

- Tránh làm xáo động mạnh ảnh hưởng đến bào thai.
- Cho ăn đúng tiêu chuẩn của bò đang mang thai.
- Cuối giai đoạn chữa chú ý trực bò đẻ.

Thức ăn cần: Cỏ xanh: 15 - 20kg, Cám gạo: 1 kg, Bột cá: 0,2 kg treo tăng liếm trong chuồng để bổ sung thêm khoáng chất.

III. Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò đẻ

Trước khi bò đẻ 10 ngày (theo lịch phối giống kết hợp với quan sát thực tế) phải đưa bò vào khu chuồng dành riêng cho bò chờ đẻ)

1. Quan sát chẩn đoán bò sắp đẻ

Bò sắp đẻ đi lại nặng nề, bước chân không chính xác, bầu vú căng, mông sứt, âm hộ sưng to, có dịch nhờn chảy ra. Bò có biểu hiện đau đớn, đi lại khó khăn, tâm trạng bồn chồn, hay đứng lên nằm xuống, hay đá đất, đuôi thường cong lên.

2. Chuẩn bị dụng cụ đỡ đẻ cho bò

Nước ấm, muối, thuốc sát trùng, khăn lau khô, mềm, dao, phanh, dây thừng, chỉ, kim khâu, chậu, khay.v.v.. Tất cả dụng cụ trên sát trùng trước khi dùng.

3. Phương pháp đỡ đẻ cho bò

Khi đỡ đẻ cho bò phải giữ tuyệt đối yên tĩnh. Để bò đẻ tự nhiên là phương pháp tốt nhất, tuy nhiên trong những trường hợp thai quá to thì để đẻ tự nhiên sẽ rất lâu, bò mẹ phải rặn đẻ

hiều bị mất sức nên cần có sự hỗ trợ của bác sỹ thú y hoặc chủ nuôi.

****Bò đẻ bình thường:***

Sau khi vỡ bọc nước ối (nếu bọc nước ối không tự vỡ chủ nuôi phải chọc nhẹ làm rách bọc nước ối cho hở miệng, mũi của bê, tránh làm bê ngạt thở) khi thấy 2 chân trước và đầu bê nhô ra khoảng 15- 20 phút mà bò không tự đẻ được thì phải hỗ trợ.

****Hỗ trợ bò đẻ:***

Người đỡ đẻ hoặc bác sỹ thú y dùng tay cầm 2 chân trước của bê kéo nhẹ theo nhịp rặn đẻ, kéo theo chiều dọc thân bê. Trường hợp không thể dùng biện pháp kéo bê ra được phải mời bác sỹ thú y giỏi, có kinh nghiệm phẫu thuật để lấy bê ra.

Sau khi bê được đẻ ra, bóc móng mềm, cắt dây rốn, lau sạch nước nhón trong mồm, mũi; để bê cho bò mẹ liếm đến khô, cho bú sữa đầu trong vòng 1 giờ ngay sau khi bò đẻ.

4. Chăm sóc bò sau đẻ

Bò mẹ sau khi đẻ cho uống nước ấm có pha muối 2% và thức ăn dễ tiêu. Theo dõi nhau thai có ra hết không. Nếu sau khoảng 8 giờ mà nhau thai chưa ra hết thì có thể coi là bò bị sát nhau hoặc sót nhau và cần phải nhờ đến sự can thiệp của bác sỹ thú y.

Sau khi bò đẻ cần theo dõi đặc biệt sức khỏe con vật đặc biệt là sản dịch, bầu vú, âm hộ khoảng 3 ngày nếu có gì khác biệt cần báo thú y ngay. Sau khi đẻ 3 - 4 ngày nếu bò bình thường thì cho bò ăn khẩu phần tăng dần về thức ăn tinh, cỏ ở giai đoạn này thường chưa cho bò ăn hết khẩu phần. Sau 10 ngày cho bò ăn hình thường. Trong thời gian 15 - 20 ngày đầu sau khi đẻ có thể cho bò mẹ ăn thêm cháo (0,5 - 1 kg thức ăn tinh/con/ngày)

và 30 - 40g muối ăn + 30 - 40g bột xương, có đủ cỏ non xanh ăn tại chuồng. Những ngày sau, trong suốt thời gian nuôi con, một ngày cho bò mẹ ăn 35 - 40kg cỏ tươi, 1 - 2kg rơm và 1,5 - 2kg thức ăn tinh hỗn hợp để bò mẹ phục hồi sức khỏe, nhanh động dục lại để phối giống.

Nếu bò đẻ không có sữa (vì lý do nào đó) cần lấy sữa của bò mẹ không bị bệnh hoặc pha sữa bột cho bê bú. Sau khi bú 7- 10 ngày sữa đầu thì chuyển sang chế độ nuôi bê từ 0 - 6 tháng tuổi.

Luôn chú ý cung cấp đầy đủ nước sạch cho bò uống (30-80 lít/con/ngày).

IV. Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng bê

1. Nuôi dưỡng bê bú

Sau khi đẻ 30 phút bê phải được bú sữa đầu. Sữa đầu rất quan trọng với bê sơ sinh, vì nó chứa nhiều dinh dưỡng và kháng thể, vitamin và muối khoáng với hàm lượng cao giúp bê có sức đề kháng với bệnh tật và thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển sau này.

2. Tập cho bê ăn sớm

Để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đồng thời giúp cho quá trình phát triển của hệ thống tiêu hóa bê được tốt, nên tập cho bê ăn các loại thức ăn thô sớm. Muốn vậy 15 ngày tuổi bắt đầu tập cho bê ăn cỏ khô, cỏ héo. Đến khi bê 20 ngày tuổi có thể cho ăn cỏ tươi, thức ăn tinh. Việc tập cho bê ăn sớm nên được thực hiện ngay cả khi bò mẹ có đủ sữa cho bê bú vì ngoài việc cung cấp thêm chất dinh dưỡng thư việc tập ăn sớm cũng giúp cho bộ máy tiêu hóa của bò phát triển mạnh, rất có ích cho sau này. Thông thường bê được cai sữa lúc 6 tháng tuổi nhưng đối với những hộ chăn nuôi có kinh nghiệm và bê được tập ăn từ sớm thì có thể cai sữa hoàn toàn lúc 4 tháng tuổi

3. Vệ sinh chuồng trại và thân thể cho bê

Hàng ngày dọn rửa chuồng, máng ăn, máng uống một lần; một tuần nên tổng vệ sinh tẩy uế chuồng trại một lần để tiêu diệt các mầm bệnh có thể xâm nhập vào khu vực chuồng nuôi. Sau 1 tuần mới bắt đầu cho bê và bò mẹ đi chăn.

4. Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của bê

Cho ăn thêm hay không và lượng cho ăn là bao nhiêu sẽ tùy thuộc vào khả năng cho sữa của bò mẹ. Đối với bê lai Sind có 50% máu bò Sind thì bê nên đạt tăng trọng ở mức trung bình 11 kg/tháng, nghĩa là sau khi cai sữa 6 tháng bê đạt khối lượng 80 - 90 kg là đạt yêu cầu.

Bảng 1: Mức bổ sung thức ăn cho bê

Tháng tuổi	Số lần bú (24 giờ)	Cho ăn thêm
1-2	4 - 5 lần	Cho ăn tự do theo bò mẹ hoặc máng riêng
3-4	2 - 3 lần	5 -7 kg cỏ ngon/ngày + 0,5 kg cám
5-6	2 lần	8 - 15 kg cỏ ngon/ngày + 0,75 kg cám

- Từ sơ sinh đến 30 ngày tuổi, nuôi tại nhà, cạnh mẹ, luôn giữ ấm cho bê, chỗ bê nằm khô sạch, tránh gió lùa.

- Từ 3-6 tháng tuổi: cho ăn 5-10 kg cỏ tươi, 0,2 kg thức ăn hỗn hợp. Cai sữa bê lúc 6 tháng tuổi.

V. Chăm sóc bò đực giống

Trong quá trình nuôi dưỡng bò đực giống phải tuân thủ theo nguyên tắc nuôi dưỡng tốt ngay từ đầu. Nếu không đạt tiêu chuẩn làm giống thì chuyển sang nuôi thịt.

Cho ăn uống đầy đủ chất lượng và số lượng và kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Đối với đực nhảy trực tiếp phải có sổ ghi chép ngày giờ và bò cái được phối giống để theo dõi đánh giá đời con.

PHẦN V: XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH THÚ Y

I. Xây dựng chuồng trại

- Diện tích tối thiểu: 2,5-3,0 m²/con bò thịt.
- Chuồng nuôi cần được che mưa, nắng, chống nóng, lạnh, dễ dọn vệ sinh và xử lý phân để hạn chế ô nhiễm môi trường xung quanh.
- Hướng chuồng về phía Nam hoặc Đông Nam là tốt, đủ ánh sáng, khô ráo, sạch, nền chuồng cứng, không trơn trượt.
- Có máng ăn, uống cho bò



Chuồng nuôi bò

II. Công tác thú y

1. Vệ sinh thú y

Thường xuyên quét dọn vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống cũng phải sạch, không hôi, mốc. Định kỳ phun xịt thuốc sát trùng.

2. Công tác phòng bệnh

Ngoài việc vệ sinh tẩy uế chuồng trại, hằng năm phải định kỳ tiêm phòng vaccine và ngừa sán lá gan cho bò.

- Vaccine Lở mồm long móng (LMLM) 2 lần/năm do Chi cục Thú y tổ chức tiêm đợt 1 vào tháng 3-4 và đợt 2 vào tháng 9-10 hàng năm.

- Vaccine Tụ huyết trùng: 6 tháng/lần.

- Tẩy giun sán: 4 tháng/lần.

PHẦN VI: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở BÒ

I. BỆNH SÁN LÁ GAN

1. Biểu hiện

Suy nhược, ăn ít, niêm mạc nhợt nhạt, lông xù sì. Tiêu chảy, gầy yếu, thiếu máu, bệnh lâu ngày thú bị phù thũng ở phần thấp của cơ thể, hoàng đản (vàng da).

2. Phòng và trị bệnh

Định kỳ tẩy sán lá 2 -3 lần/năm.

Có thể dùng 1 trong các loại thuốc sau: Dovenix; Fasciolid; Dertine-B.

II. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG

1. Biểu hiện

Bò ngừng nhai lại, bỏ ăn sau đó chướng hơi và nước miệng, mũi chảy nhiều, sốt cao: 41-42,5⁰C, con bò thở mạnh, mắt đỏ, phân thường có máu tươi do xuất huyết ruột, nước tiểu đỏ hơi vàng và có mùi khai đặc, sưng hầu, khó thở, phân táo bón, nước tiểu vàng, bụng có thể chướng hơi, ngừng nhai lại.

2. Phòng và trị bệnh

- Sử dụng vaccin tụ huyết trùng để tiêm phòng.

- Nếu phát hiện sớm và điều trị kịp thời bò sẽ khỏi ở tỷ lệ cao. Dùng kháng sinh Streptomycine hoặc Kanamycine, Gentamycine, Teracycline liệu trình 3-5 ngày. Khi tiêm kháng sinh kết hợp tiêm thuốc hạ sốt Anagin C, trợ lực Vitamin C, Gluconat canxi, ADE B-complex, trợ tim Strychnin B1, Na-Comphora.

III. BỆNH CHUỐNG HƠI DẠ CỎ

1. Biểu hiện

Bệnh xảy ra đột ngột tuy cũng có thời kỳ ủ bệnh từ 24-48 giờ. Bò đang ăn bình thường bỗng bứt rứt, thở hỗn hển, lưỡi thè ra, sùi bọt mép, phân lỏng trào ra ở hậu môn, đập chân sau lên bụng, phình to ở hõm hông trái.

2. Trị bệnh

Cho bò đứng ngẩng cao hai chân trước; Kích thích cho nôn, lấy tay kéo lưỡi trâu bò ra và sát trùng nước gương vào lưỡi để gây ợ hơi. Hoặc dùng Pilocarpine 1% với liều 10-15 ml. Cho uống các thứ kích thích ợ hơi như: nước dừa cải, dấm ăn 200-400 ml, hoặc rượu 250 ml trộn với tỏi và 50 gam gừng.



Thê quá cấp tính, có khả năng chết nhanh: dùng trocar chọc vào dạ cỏ ở lõm hông trái cho thoát hơi từ từ.

IV. BỆNH TIÊU CHẢY TRÊN BÊ

1. Biểu hiện

Tiêu chảy, phân lỏng hoặc toàn nước. Do tiêu chảy mất

nước nên bê nghé gầy còm, ốm yếu, lông xù, kèm theo biểu hiện ăn ít, niêm mạc nhợt nhạt, nếu ỉa chảy kéo dài cơ thể suy nhược hoàn toàn, bê run rẩy đứng không vững. Nếu tiêu chảy nặng có thể bị truy tìm dẫn đến chết.

2. Phòng và trị bệnh

- Phòng bệnh

Bê mới đẻ phải cho bú đầy đủ sữa đầu. Chuồng nuôi phải dọn rửa sạch sẽ hằng ngày.

Đảm bảo chuồng nuôi đủ ấm cho bê về đêm, tránh mưa tạt, gió lùa. Tạo cho bê một góc ấm về đêm bằng cách lót một lớp rơm khô hoặc cỏ khô hoặc cát nhuyễn hoặc trấu tại một góc chuồng khô ráo.

Nước uống cho bê phải đảm bảo sạch, không nhiễm khuẩn, nhiễm độc do phân hóa học, thuốc trừ sâu.

Thức ăn xanh phải rửa sạch, có thể bổ sung các loại vitamin A, D để nâng cao sức đề kháng của bê. Thường xuyên tiêu độc chuồng trại nuôi bê, định kỳ tẩy kí sinh trùng theo hướng dẫn của từng loại.

- Trị bệnh

Dùng các chất kháng viêm như Dexamethazon kết hợp với các vitamin C, K, B1 để chống xuất huyết đường tiêu hóa và nâng cao sức đề kháng của cơ thể bê nghé.

Với bệnh tiêu chảy bê nghé điều trị kịp thời, tích cực, tìm đúng nguyên nhân tỉ lệ chết thấp, bê nhanh chóng hồi phục, không ảnh hưởng đến sự phát triển sau này.

Các loại kháng sinh thường dùng điều trị bệnh tiêu chảy: Tetracyclin, Neomycin, Colistin, Sulphamid, Trimethoprim, Enrofloxacin, Ampicillin, Amoxycillin.

V. BỆNH LỞ MÒM LONG MÓNG

1. Biểu hiện

Thời gian nung bệnh từ 2-5 ngày, sốt cao 40-42°C. Bệnh gây nhiều mụn nước ở lợi, vòm họng, vú, kẽ móng chân, miệng thường sùi bọt như bọt bia. Mụn nước lớn dần và vỡ ra. Sau khi mụn vỡ 1-2 ngày, tạo nên các vết loét ở đầu vú, miệng, kẽ móng chân, vành móng chân làm bò không đi được và bị què.



2. Phòng và trị bệnh

- Tiêm vaccine (2 lần/năm) cho bò khoẻ mạnh.
- Bệnh không có thuốc đặc trị.
- Cách ly, tiêu độc, khử trùng hàng ngày chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...
- Dùng dung dịch thuốc tím 0,1% hoặc giấm chua, nước chanh, khế, nước muối rửa các vết loét hàng ngày, liên tục 4-5 ngày
- Chống phụ nhiễm dùng kháng sinh Peniciline, Streptomycine,... trợ lực, sức đề kháng bằng cách tiêm Vitamin C và B-complex.

VI. BỆNH LOÉT DA QUẢN TAI

1. Biểu hiện

Chảy nước mắt, nước mũi lúc đầu trong sau đặc có mủ, miệng bị viêm, sốt, con vật gầy sút, khó thở, mắt đục thành cùi nhãn, da dày lên, tai bị quăn rồi bệnh tích trên da tróc đi, các hạch bạch huyết dưới da sưng to. Trước khi chết bao giờ con vật cũng bị liệt.

2. Điều trị

Không có thuốc đặc trị. Có thể sử dụng kháng sinh để không chế vi khuẩn kể phát. Nếu không có triệu chứng thần kinh thì điều trị có nhiều kết quả.

- Rửa miệng, mũi bằng thuốc tím 0.1%,
- Nhỏ mắt bằng sunfat kẽm.
- Chống bội nhiễm bằng terramycin, bổ sung vitamin A

VII. BỆNH KÝ SINH TRÙNG ĐƯỜNG MÁU

1. Biểu hiện

Sốt cao gián đoạn hoặc liên tục, bỏ ăn, tiêu chảy phân hôi thối, cơ thể suy nhược dần, gầy, nước tiểu đỏ hồng, thiếu máu, hoàng đản, niêm mạc tái, da tái rồi chết.

Thường biểu hiện thần kinh: co giật từng cơn, mất thăng bằng, đi vòng tròn

2. Phòng và trị bệnh

Diệt côn trùng hút máu: ve, mòng,... trên thân thể bò và trên đồng cỏ.

Có thể dùng một các loại thuốc sau:

- Trybabe, Naganon, Hemosporidin, Trypamidium: liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự án Hỗ trợ Tam nông tỉnh Ninh Thuận. Báo cáo phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm bò, dê, cừu tỉnh Ninh Thuận, năm 2012
2. PGS. TS Đinh Văn Cải . Kỹ thuật chăn nuôi bò thịt, 2007.
3. Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Ninh Thuận. Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, năm 2013.

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU	2
PHẦN I: GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG BÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA BÒ	3
I. Giới thiệu một số giống bò.....	3
II. Một số đặc điểm sinh học của bò.....	4
PHẦN II: CÁCH CHỌN BÒ GIỐNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý TRONG CÔNG TÁC PHỐI GIỐNG	6
PHẦN III: THỨC ĂN, TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHO BÒ	8
I. Các loại thức ăn.....	8
II. Quy trình trồng cỏ VA06.....	8
III. Quy trình trồng cỏ Ghi-nê (cỏ sả).....	10
IV. Chế biến dự trữ thức ăn.....	12
PHẦN IV: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG BÒ	
I. Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò cái hậu bị (6-18 tháng tuổi).....	14
II. Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò chữa.....	15
III. Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò đẻ.....	16
IV. Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng bê.....	18
V. Chăm sóc bò đực giống.....	19

PHẦN V: XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH THÚ Y	20
I. Xây dựng chuồng trại.....	20
II. Công tác thú y	20
PHẦN VI: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở BÒ	21
I. BỆNH SÁN LÁ GAN	21
II. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG	21
III. BỆNH CHUỐNG HƠI DA CỎ.....	22
IV. BỆNH TIÊU CHẢY TRÊN BÊ	22
V. BỆNH LỖ MỒM LONG MÓNG	24
VI. BỆNH LOÉT DA QUẪN TAI.....	24
VII. BỆNH KÝ SINH TRÙNG ĐƯỜNG MÁU	25